**TRƯỜNG THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG**

**Tuần ôn tập: từ ngày 01/9/2021 đến 04/9/2021**

**\* LƯU Ý:**

1. Học sinh ôn tập kiến thức trên Webside nhà trường, K12 Online, Google meet và liên hệ với GVBM để được giáo viên hướng dẫn cụ thể, kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình học, được trao đổi - thảo luận bài cùng bạn trong lớp và được ghi nhận quá trình học tập chi tiết.

2. Trừ những trường hợp học sinh đặc biệt khó khăn không thể thực hiện (sau khi đã báo giáo viên chủ nhiệm) thì học bài đăng tải trên cổng công nghệ thông tin của nhà trường: thực hiện học và ghi chép vào vở bài tập.

**ÔN TẬP KIẾN THỨC TRỌNG TÂM CHUẨN BỊ NĂM HỌC MỚI 2021-2022**

**MÔN NGỮ VĂN - KHỐI 9**

**I. PHẦN VĂN BẢN:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **TÁC PHẨM** | **NỘI DUNG** | **ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT** |
| 1 | Nhớ rừng (Thơ mới)- Tác giả: *Thế Lữ (1907-1989)*- Thể loại: *Thơ tám chữ* | Mượn lời con hổ bị nhốt trong vườn bách thú để diễn tả sâu sắc nỗi chán ghét thực tại tầm thường, tù túng và khao khát tự do mãnh liệt của nhà thơ, khơi gợi lòng yêu nước thầm kín của người dân mất nước thuở ấy. | Bút pháp lãng mạn rất truyền cảm, sự đổi mới câu thơ, vần điệu, nhịp điệu, phép tương phản, đối lập. Nghệ thuật tạo hình đặc sắc. |
| 2 | Quê hương (Thơ mới)- Tác giả: *Tế Hanh (sinh 1921)*- Thể loại: *Thơ tám chữ* | Tình yêu quê hương trong sáng, thân thiết được thể hiện qua bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển, trong đó nổi bật lên hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và sinh hoạt làng chài. | Lời thơ bình dị, hình ảnh thơ mộc mạc mà tinh tế lại giàu ý nghĩa biểu trưng *(cánh buồm- hồn làng, thân hình nồng thở vị xa xăm, nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ...)* |
| 3 | Khi con tu hú (Thơ cách mạng)- Tác giả: *Tố Hữu (1920-2002)*- Thể loại: *Thơ lục bát* | Tình yêu cuộc sống và khát vọng tự do của người chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi trong nhà tù. | Giọng thơ tha thiết, sôi nổi, tưởng tượng rất phong phú, dồi dào. |
| 4 | Tức cảnh Pác Bó(Thơ cách mạng)- Tác giả: *Hồ Chí Minh (1890-1969)*- Thể loại: *Đường luật thất ngôn tứ tuyệt* | Tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác Hồ trong cuộc sống cách mạng đầy gian khổ ở Pác Bó. Với Người, làm cách mạng và sống hòa hợp với thiên nhiên là một niềm vui lớn. | Giọng thơ hóm hỉnh, tươi vui, *(vân sẵn sàng, thật là sang),* từ láy miêu tả *(chông chênh);* vừa cổ điển vừa hiện đại. |
| 5 | Ngắm trăng (Vọng Nguyệt; trích *Nhật kí trong tù)*- Tác giả: *Hồ Chí Minh**- Thể loại: Thất ngôn tứ tuyệt* | Tình yêu thiên nhiên, yêu trăng đến say mê và phong thái ung dung của Bác Hồ ngay trong cảnh tù ngục cực khổ, tối tăm. | Nhân hóa, điệp từ, câu hỏi tu từ và đối lập. |
| 6 | Đi đường (Tẩu Lộ; trích *Nhật kí trong tù)*- Tác giả: *Hồ Chí Minh*- Thể loại: *Thất ngôn tứ tuyệt chữ Hán (dịch lục bát)* | Ý nghĩa tượng trưng và triết lí sâu sắc: Từ việc đi đường núi gợi ra chân lí đường đời; vượt qua gian lao chồng chất sẽ tới thắng lợi vẻ vang. | Điệp từ *(tẩu lộ, trùng san),* tính đa nghĩa của hình ảnh, câu thơ, bài thơ. |
| 7 | Chiếu dời đô *(Thiên đô chiếu)*- Tác giả: *Lý Công Uẩn (Lý Thái Tổ)*- Thể loại: *Chiếu* | Phản ánh khát vọng về một đất nước độc lập, thống nhất đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh. | Kết cấu chặt chẽ, lập luận giàu sức thuyết phục, hài hòa tình - lí: *trên vâng mệnh trời - dưới theo ý dân* |
| 8 | Hịch tướng sĩ *(Dụ chư tì tướng hịch văn)*- Tác giả: *Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn*- Thể loại: *Hịch* | Tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống quân Mông-Nguyên xâm lược (thế kỉ XIII), thể hiện qua lòng căm thù giặc, ý chí quyết chiến quyết thắng, trên cơ sở đó, tác giả phê phán khuyết điểm của các tì tướng, khuyên bảo họ phải ra sức học tập binh thư, rèn quân chuẩn bị sát thát. Bừng bừng *hào khí Đông A.* | Áng văn chính luận xuất sắc, lập luận chặt chẽ, lí lẽ hùng hồn, đanh thép, nhiệt huyết chứa chan, tình cảm thống thiết, rung động lòng người sâu xa; đánh vào lòng người, lời hịch trở thành mệnh lệnh của lương tâm, người nghe được sáng trí, sáng lòng. |
| 9 | Nước Đại Việt ta(trích *Bình Ngô đại cáo)*- Tác giả: *Ức Trai Nguyên trãi*- Thể loại: *Cáo* | Ý thức dân tộc và chủ quyền đã phát triển tới trình độ cao, ý nghĩa như một bản tuyên ngôn độc lập: *nước ta là đất nước có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, phong tục riêng, có chủ quyền, có truyền thống lịch sử.* Kẻ xâm lược phản nhân nghĩa, nhất định thất bại. | Lập luận chặt chẽ, chứng cứ hùng hồn, xác thực, ý tứ rõ ràng, sáng sủa và hàm súc, kết tinh cao độ tinh thần và ý thức dân tộc trong thời kì lịch sử dân tộc thật sự lớn mạnh; đặt tiền đề, cơ sở lí luận cho toàn bài; xứng đáng là *Thiên cổ hùng văn.* |
| 10 | Bàn luận về phép học *(Luận học pháp}*- Tác giả: *La Sơn Phu Tử Nguyên Thiếp*- Thể loại: *Tấu* | Quan niệm tiến bộ của tác giả về mục đích và tác dụng của việc học tập: học là để làm người có đạo đức, có tri thức góp phần làm hưng thịnh đất nước. Muốn học tốt phải có phương pháp, phải theo điều học mà làm (hành) | Lập luận chặt chẽ, luận cứ rõ ràng; sau khi phê phán những biểu hiện sai trái, lệch lạc trong việc học, khẳng định quan điểm và phương pháp học tập đúng đắn. |
| 11 | Thuế máu *(trích chương I, Bản án chế độ thực dân pháp)**-* Tác giả: Nguyễn Ái Quốc*-* Thể loại: *Phóng sự chính luận* | Bộ mặt giả nhân giả nghĩa, thủ đoạn tàn bạo của chính quyền thực dân Pháp trong việc sử dụng người dân thuộc địa nghèo khổ làm bia đỡ đạn trong các cuộc chiến tranh phi nghĩa tàn khốc (1914-1918) | Tư liệu phong phú, xác thực, tính chiến đấu rất cao, nghệ thuật trào phúng sắc sảo và hiện đại; mâu thuẫn trào phúng, ngôn ngữ, giọng điệu giễu nhại. |

**II. PHẦN TIẾNG VIỆT:**

**1. Các kiểu câu:**

|  |
| --- |
| **CÁC KIỂU CÂU CHIA THEO MỤC ĐÍCH NÓI** |
| **TT** | **Kiểu câu** | **Đặc điểm hình thức** | **Chức năng chính** | **Chức năng khác** |
| 1 | Câu nghi vấn | - Kết thúc bằng dấu chấm hỏi (khi viết).- Có từ nghi vấn: ai, gì ,nào, đâu, bao nhiêu hoặc từ “hay’ | - Dùng để hỏi. | -   Dùng để cầu khiến, đe doạ, phủ định, khẳng định.-   Dùng để biểu lộ tình cảm, cảm xúc. |
| 2 | Câu cầu khiến | - Kết thúc câu bằng dấu chấm than hoặc dấu chấm (khi viết).- Có từ cầu khiến: *hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào...*- Ngữ điệu cầu khiến. | - Dùng để ra lệnh, yêu cầu, răn đe, khuyên bảo. |   |
| 3 | Câu cảm thán | - Kết thúc câu bằng dấu chấm than (khi viết).- Có từ cảm thán: *than ôi, hỡi ơi, chao ôi, trời ơi, biết bao.* | - Bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói. |   |
| 4 | Câu trần thuật | - Kết thúc câu bằng dấu chấm, đôi khi kết thúc bằng dấu chấm lửng (khi viết).- Không có đặc điểm hình thức của câu: nghi vấn, cầu khiến, cảm thán. | - Dùng để kể, thông báo, nhận định, trình bày, miêu tả. | - Dùng để yêu cầu, đề nghị.- Dùng để biểu lộ cảm xúc, tình cảm. |
| 5 | Câu phủ định | Có từ ngữ ngữ phủ định như: *không, chẳng, chả, chưa, không phải (là), chẳng phải (là), đâu có phải (là), đâu (có)...* | -  Dùng để thông báo, xác nhận không có sự việc, tính chất, quan hệ nào đó (PĐMT).-  Phản bác một ý kiến, một nhận định (PĐBB). |   |

**2. Hành động nói:**

|  |  |
| --- | --- |
| **CÁC MỤC** | **NỘI DUNG** |
| Khái niệm | - Hành động nói là hành động được thực hiện bằng lời nói nhằm mục đích nhất định. |
| Các kiểu hành động nói | -  Hỏi- Trình bày (báo tin, kể, tả, nêu ý kiến.)- Điều khiển (cầu khiến, đe dọa, thách thức.)- Hứa hẹn.- Bộc lộ cảm xúc. |
| Các cách thực hiện hành động nói | - Cách dùng trực tiếp (Hành động nói được thực hiện bằng kiểu câu có chức năng chính phù hợp với hành động đó).- Cách dùng gián tiếp (hành động nói được thực hiện bằng kiểu câu có chức năng chính không phù hợp với hành động đó). |

**3. Vai xã hội và lượt lời trong hội thoại; ý nghĩa của việc ứng xử đúng vai, điều chỉnh thái độ giao tiếp:**

|  |  |
| --- | --- |
| **CÁC MỤC** | **NỘI DUNG** |
| Khái niệm | - Vai xã hội là vị trí của người tham gia hội thoại đối với người khác trong cuộc thoại.- Vai xã hội được xác định bằng các quan hệ xã hội:+ Quan hệ trên - dưới hay ngang hàng *(theo tuổi tác, thứ bậc trong gia đình và xã hội);*+ Quan hệ thân - sơ *(theo mức độ quen biết, thân tình).* |
| Mục đích của việc chọn đúng vai giao tiếp. | - Vì quan hệ xã hội vốn rất đa dạng nên vai xã hội của mỗi người cũng đa dạng, nhiều chiều. Khi tham gia hội thoại, mỗi người cần xác định đúng vai của mình để chọn cách nói cho phù hợp |
| Lượt lời trong hội thoại | - Trong hội thoại ai cũng được nói. Mỗi lần có một người tham gia hội thoại nói được gọi là một lượt lời.- Để giữ lịch sự, cần tôn trọng lượt lời của người khác, tránh nói tranh lượt lời, cắt lời hoặc chêm vào lời người khác.- Nhiều khi, im lặng khi đến lượt lời của mình cũng là một cách biểu thị thái độ. |

**4. Mục đích của việc lựa chọn trật tự từ trong câu:**

- Thể hiện thứ tự nhất định của sự vật hiện tượng, hoạt động, đặc điểm.

- Nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm của sự vật, hiện tượng.

- Liên kết câu với những câu khác trong văn bản.

- Đảm bảo sự hài hoà về ngữ âm của lời nói.

**III. Phần Tập Làm Văn:**

**A.Văn tự sự;**

**1.Khái niệm:**
Tự sự là phương thức trình bày một chuỗi sự việc theo một trình tự nhất định nhằm giải thích sự việc, tìm hiểu con người và bày tỏ thái độ của người viết.
Như vậy, tự sự bao gồm: trần thuật, tường thuật,kể chuyện.

**2. Những yếu tố cơ bản trong văn bản tự sự.**

*a*.*Nhân vật:* biểu hiện ở lai lịch, tên gọi, chân dung. Nhân vật là kẻ thực hiện các sự việc; hành động, tính chất của nhân vật bộc lộ chủ đề của tác phẩm.Có nhân vật chính diện và nhân vật phản diện.

*b.Sự việc:* sự việc do nhân vật gây ra, xảy ra cụ thể trong thời gian, địa điểm, có nguyên nhân, diễn biến, kết quả. Sự việc được sắp xếp theo trình tự nhất định. Sự việc bộc lộ tính chất, phẩm chất của nhân vật nhằm thể hiện tư tưởng mà người kể muốn biểu đạt.

*c. Cốt truyện:* là chuỗi các sự việc nối tiếp nhau trong không gian, thời gian. Cốt truyện được tạo bởi hệ thống các tình tiết, mang một nghĩa nhất định.
*d.Ngôi kể*: Là vị trí giao tiếp mà người kể sử dụng khi kể chuyện.Thông thường có hai ngôi kể:

- Kể theo ngôi thứ nhất.

- Kể theo ngôi thứ ba.

*e.Lời kể, lời thoại*.

*g.Thứ tự kể trong văn tự sự*

- Kể xuôi

- Kể ngược

**3. Dàn bài của bài văn tự sự**

- Mở bài: giới thiệu chung về nhân vật và sự việc.
- Thân bài: kể lại diễn biến của sự việc.
- Kết bài: kể kết thúc của sự việc.

**B. Văn thuyết minh:**

**1. Khái niệm:**

- Kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống.

- Nhằm cung cấp tri thức về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân, ý nghĩa... của các hiện tượng, sự vật trong tự nhiên và xã hội bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích.

**2. Những phương pháp thuyết minh:**

- Nêu định nghĩa, giải thích.

- Liệt kê.

- Nêu ví dụ.

- Dùng số liệu.

- So sánh.

- Phân loại, phân tích.

**3. Dàn bài của bài văn thuyết minh:**

- Mở bài: Giới thiệu về đề tài cần thuyết minh

- Thân bài: Trình bày nội dung

+ Khái quát chung

+ Thuyết minh chi tiết

+ Cách chăm sóc/ bảo quản

+ Công dụng, lợi ích của đối tượng

- Kết bài: Khái quát lại giá trị, vai trò của đối tượng thuyết minh đồng thời rút ra bài học, liên hệ thực tế.

**IV. LUYỆN TẬP:**

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP TUẦN ÔN TẬP****Đề 1: Kể về một việc làm tốt của em khiến thầy cô giáo vui lòng.*****\* Gợi ý*** (Biết nhận lỗi khi mắc lỗi, đạt thành tích cao trong học tập...)**Đề 2: Thuyết minh về một di tích lịch sử****\*Gợi ý (**Dinh độc lập**,** Đền Hùng**,** Hồ Hoàn Kiếm...) |

**IV. DẶN DÒ:**

- Học sinh ghi phần III vào vở bài học

- Học sinh xem kĩ bài tập minh họa và làm bài tập ở phần luyện tập.

**\* SỐ ĐIỆN THOẠI LIÊN LẠC CỦA GIÁO VIÊN BỘ MÔN KHỐI 9:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giáo viên** | **Lớp dạy** | **Zalo** | **Email** |
| Nguyễn Thị Thanh Bình | 9/4, 9/10 | 0812711008 | binhttv2015@gmail.com |
| Lê Ngọc Xuân Khánh | 9/1, 9/8, 9/13 | 0907375712 | lekhanhmon@gmail.com |
| Trần Thị Yến Phi | 9/9, 9/11 | 0395193948 | yenphitran4696@gmail.com |
| Huỳnh Ngọc Bích Phượng | 9/2, 9/12 | 0909578849 | phuong19091975@gmail.com |
| Hoàng Thị Ánh Phượng | 9/5, 9/6 | 0779922651 | anhphuong0306@gmail.com |
| Mai Thị Yến Nga | 9/3, 9/7 | 0344373456 | maithiyennga98@gmail.com  |